

SỰ VẬN ĐỘNG CHUYỂN HÓA CỦA TỪ TIẾNG VIỆT TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNH CHỨC VIETNAMESE WORDS ' MOVEMENT, VARIATION AND TRANSFORMATION IN COMMUNICATION

Nguyễn Thị Hiền

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Email: nguyenhien04187@gmail.com

TÓM TẮT

Từ là đơn vị trung tâm, cơ bản của hệ thống ngôn ngữ. Trong hoạt động giao tiếp, từ không chỉ bộc lộ những thuộc tính và những đặc điểm vốn có mà từ còn có sự vận động, biến đổi chuyển hóa để giao tiếp đạt hiệu quả cao. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung xem xét sự biến đổi của từ trong hoạt động giao tiếp trên tất cả các bình diện ngữ âm, ngữ pháp và phong cách... Từ đó rút ra những kết luận bổ ích đối với việc sử dụng và lĩnh hội từ trong hoạt động giao tiếp. Đây cũng là một việc làm giúp ích cho giáo viên, học sinh trong việc sử dụng từ, lĩnh hội từ, phân tích, nhận xét và đánh giá về từ trong giao tiếp nói chung và trong văn bản nói riêng.

Từ khóa: sự vận động chuyển hóa của từ; từ Tiếng Việt; hành chức; văn bản; giao tiếp

ABSTRACT

A word is a basic, central unit of the language system. In communication, it reveals not only its inherent attributes and characteristics but also movement as well as transformation in order to make communication effective. In this article, we focus on the word's variation in communication in all aspects including pronunciation, grammar and style... Thereby, we can draw useful conclusions for the use and comprehension of communication. It is also useful for teachers and students in using words, comprehending, analyzing, commenting and evaluating words in communication in general and in text in particular.

Key words: transformation and variation of words; Vietnamese words; communication; text; communicate

1. Đặt vấn đề

Các dạng ngôn ngữ đã và đang hiện diện trên hành tinh của chúng ta hết sức đa dạng và sinh động. Về mặt thời gian lịch sử chắc hẳn ngôn ngữ của loài người phải cổ xưa hơn rất nhiều lần so với những huyền thoại xưa cũ nhất. Về chức năng có thể nói, ngay từ khi ra đời, ngôn ngữ đã đảm nhiệm hai chức năng cơ bản và quan trọng nhất đó là chức năng tư duy và làm phương tiện giao tiếp của con người. Để đảm nhiệm được chức năng đó, ngôn ngữ được tổ chức theo nguyên tắc tín hiệu và nguyên tắc hệ thống. Nói cách khác, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu bao gồm nhiều cấp độ khác nhau có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Cũng như nhiều hệ thống khác hệ thống ngôn ngữ tồn tại dưới hai trạng thái: trạng thái tĩnh (trong tiềm năng của mỗi người) và trạng thái động (trong hoạt động hành chức).

Hoạt động hành chức của ngôn ngữ (P:fonctionnement linguistique) hiểu theo nghĩa chiết tự *hành* là hoạt động thực hiện, *chức* là chức năng ngôn ngữ. Tuy nhiên nó không chỉ

đơn thuần là hoạt động ngôn ngữ theo quan niệm của F.de Saussure. Trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, tác giả này đã quan niệm hoạt động ngôn ngữ như một vòng tuần hoàn giữa hai người A và người B. “Giả sử một khái niệm nhất định làm nảy sinh trong óc một hình tượng âm thanh tương ứng: đó là một hiện tượng hoàn toàn có tính chất *tâm lí*, và kế theo là một quá trình *sinh lí*: bộ não chuyển đến các khí quan phát âm một sự xung động tương liên với hình tượng ấy, rồi các sóng âm truyền từ miệng A đến tai B: một quá trình thuần túy vật lí. Kế đấy vòng tuần hoàn tiếp diễn ở B theo một thứ tự ngược lại: từ tai đến óc, có một quá trình sinh lí trong việc truyền đạt hình tượng âm thanh, trong óc diễn ra sự liên hệ tâm lí giữa hình tượng này với khái niệm tương ứng. Nếu đến lượt mình, B cũng nói, thì hành động mới này sẽ lại theo đúng cái quá trình của hành động trước và cũng sẽ lần lượt trải qua những giai đoạn như thế” (Saussure). Như vậy, Saussure đã quan tâm nghiên cứu mối quan hệ bộ ba giữa ngôn ngữ - lời nói - hoạt động ngôn ngữ và xác lập vị trí của ngôn ngữ

trong các điều kiện của hoạt động ngôn ngữ. Mặc dù vậy quan điểm của F. de Saussure vẫn thiên về xem xét những vận động bên ngoài giữa con người và ngôn ngữ trong giao tiếp, quan tâm đến ba giai đoạn vận động tâm lí, sinh lí và vật lí nhưng không hướng sự khảo sát vào trạng thái vận động diễn ra trong lòng ngôn ngữ khi nó thực hiện chức năng quan trọng bậc nhất là chức năng giao tiếp.

Các nhà ngôn ngữ học đương đại ngoài việc xác nhận sự tồn tại của thuật ngữ *hoạt động ngôn ngữ* còn bổ sung hai thuật ngữ khác là *hoạt động giao tiếp* và *hoạt động hành chức*. Ở một mức độ nào đó có thể coi *hoạt động giao tiếp* và *hoạt động hành chức* là đồng sở chỉ. Tuy nhiên khi sử dụng *hoạt động giao tiếp* bằng ngôn ngữ là chúng ta đã lấy điểm nhìn từ phía con người – chủ thể của phương tiện ngôn ngữ. Còn khi chúng ta nói *hoạt động hành chức của ngôn ngữ* là nói đến trạng thái vận động của bản thân ngôn ngữ để thực hiện được chức năng của mình. Tức là điểm nhìn là chính bản thân ngôn ngữ.

Theo tác giả Bùi Minh Toán, hai trạng thái *tĩnh* và *động* của ngôn ngữ có thể xem như hai trạng thái tồn tại của một chiếc máy. Trạng thái *tĩnh* là trạng thái tiềm năng, khi ngôn ngữ chưa đi vào hoạt động thực hiện chức năng. Cũng giống như những cỗ máy mới được chế tạo mà chưa vận hành, khi đó mọi chức năng và tác dụng của nó mới ở dạng tiềm năng. Khi cỗ máy được vận hành, nó ở trạng thái *động*. Trong nó diễn ra những vận động để thực hiện chức năng. Hệ thống ngôn ngữ ở trạng thái *tĩnh*, chưa hành chức thì những yếu tố, những mối quan hệ, những bộ phận của nó vẫn còn chưa hiện ra với đầy đủ các chức năng cụ thể mà chỉ ở trạng thái trừu tượng (trừu tượng điển dạng). Chỉ khi đi vào hoạt động hành chức thì hệ thống ngôn ngữ mới được hiện thực hóa, cụ thể hóa, chuyển từ trừu tượng điển dạng thành những hiện dạng, những biến thể và có những sự chuyển hóa, biến đổi và nảy sinh những yếu tố mới là mầm mống của sự phát triển. Tác giả Bùi Minh Toán cũng chỉ ra ba vận động chủ yếu diễn ra bên trong hệ thống ngôn ngữ khi nó hoạt động hành chức là

vận động hiện thực hóa, vận động tân tạo và vận động chuyển hóa.

Nếu như vận động tân tạo là sự hình thành các yếu tố mới, đơn vị mới, khiến cho ngôn ngữ không ngừng phát triển và vận động hiện thực hóa làm cho các yếu tố ngôn ngữ từ dạng tiềm tàng, trừu tượng hiện ra ở dạng hiện thực, cụ thể mà không thay đổi cấu trúc đặc tính của các yếu tố đó thì vận động chuyển hóa lại là sự thay đổi ở một hay một số phương diện nào đó, khiến cho yếu tố hay cấu trúc ngôn ngữ có một dạng biến đổi nhất định. Tuy rằng ở mức độ nào đó, dạng chuyển hóa vẫn có mối liên hệ với dạng thức ban đầu. Vận động chuyển hóa có thể diễn ra ở các đơn vị ngôn ngữ, rõ nhất là ở các đơn vị *từ vựng*.

2. Nội dung

Có thể nói *từ* là đơn vị cơ bản, đơn vị trung tâm của ngôn ngữ. *Từ* là một loại vật liệu đặc biệt mà thiếu nó không thể nói tới sự tồn tại của một ngôn ngữ. *Từ* cũng là một loại đơn vị tồn tại hiển nhiên, có sẵn. Trong khi đó thì một số đơn vị ngôn ngữ khác như *cụm từ, câu ...* không mang tính hiển nhiên, có sẵn và đều do sự tồn tại của các *từ* quy định. Trong các đơn vị ngôn ngữ *từ* là đơn vị có thể đảm nhiệm nhiều chức năng nhất, trong đó có chức năng cơ bản là chức năng định danh tức gọi tên sự vật hiện tượng trong thực tế khách quan. Ngoài ra *từ* còn có chức năng tạo câu. Trong số các đơn vị ngôn ngữ, *từ* là đơn vị lập thành một hệ thống phong phú và đa dạng và là một hệ thống động, hệ thống mở. Hệ thống này cũng diễn ra hoạt động chuyển hóa khi nó thực hiện hoạt động hành chức.

2.1. Ở *từ vựng*, trong hoạt động hành chức, các bình diện của từ đều diễn ra vận động chuyển hóa. Trước hết, *về bình diện ngữ âm và hình thức cấu tạo*, khi hoạt động hành chức trong phát ngôn, *từ* (thực từ) cần biến đổi hình thái để biểu hiện các ý nghĩa, các chức năng, các quan hệ ngữ pháp khác nhau. Chẳng hạn: để biểu thị ý nghĩa số nhiều trong tiếng Anh thì người ta thêm yếu tố *s* sau danh từ đó. Chẳng hạn: *pen* (một cái bút) – *pens* (nhiều cái bút) hay để biểu

thị ý nghĩa quá khứ của động từ thì từ cũng phải biến đổi hình thái. Chẳng hạn: *work* (làm) – *worked* (đã làm) – *working* (đang làm)...

Còn trong tiếng Việt, một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, từ không biến đổi hình thái để biểu hiện những ý nghĩa, những hoạt động hành chức từ vẫn có thể lâm thời biến đổi về hình thức để phục vụ cho các mục đích tu từ. Chẳng hạn như: *Các tiếng trong từ có thể tách ra để xen tiếng khác vào giữa*:

“Đi đâu mà *vội* mà *vàng*
Mà *vấp* phải đá mà *quàng* phải *dây*”.
“Nhớ ai ra *ngấn* vào *ngơ*
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai”.

(ca dao)

Trong trường hợp trên thì từ *vội vàng* và từ *ngấn ngơ* là từ láy đã được tách ra và thêm yếu tố vào giữa.

Hay: “Nó thích được ăn *sung* mặc *sưóng*”.

Trong câu trên thì từ *sung sưóng* được tách ra và thêm yếu tố *mặc* vào giữa.

“Một *duyên* hai *nợ* âu đành *phận*
Năm *nắng* mười *mưa* dầm *quần* công”.

(Tú Xương)

Từ ghép *duyên nợ* và *nắng mưa* đã được tách ra và thêm số từ vào giữa

Hay: “Người ta vẫn đi *chợ* đi *búa*, làm hang xay hàng xáo *quần* *quật* suốt ngày *đêm*”

Từ *chợ* *búa* bị tách ra và thêm yếu tố *đi* vào giữa

Trong tiếng Việt, sự biến đổi về mặt âm thanh, hình thức của từ khi từ hoạt động hành chức còn được thể hiện ở chỗ một trong các tiếng trong từ có thể “iéc hóa”

Ví dụ: “Phòng *phiéc* gì mà lung tung thế? thế này còn sinh nhật sinh *nhieéc* gì nữa? (theo báo)

Hay: “Đạo này chán quá, xe *xiéc* chẳng có, cũng chẳng có người yêu, người *nghiéc* gì cả”. (báo)

Trong hoạt động hành chức thì thứ tự các tiếng trong từ cũng có thể bị thay đổi, tùy theo

hoàn cảnh sử dụng.

Chẳng hạn như từ *đấu tranh* trong một số trường hợp nó có thể đảo thành *tranh đấu*; từ *chung thủy* đảo thành *thủy chung*; từ *giữ gìn* đảo thành *gìn giữ*...

Hay từ *cướp giật* có thể được đổi thành *giật cướp*: “xưa nay hần chỉ sống bằng *giật cướp* và dọa nạt. Nếu không còn sức mà *giật cướp*, dọa nạt thì sao” (Nam Cao).

Trong hoạt động hành chức thì từ có thể được rút ngắn hoặc gộp các từ ghép thành một từ mới. Đây là hiện tượng rất thú vị, nó xuất hiện trong hoạt động hành chức của từ, *trình giản* nhưng vẫn đảm bảo về ý nghĩa ngữ pháp của từ. Ví dụ: *Ngôn ngữ và văn học* (*Ngữ Văn*); *Hóa học* (*hóa*); *Lạng Sơn* (*Lạng*); *Thái Nguyên* (*Thái*); *xi măng* (*xi*); ...

2.2. Trong hoạt động hành chức, từ không chỉ biến đổi về hình thức ngữ âm, cấu tạo mà mặt nghĩa của từ cũng thường diễn ra sự biến đổi chuyên hóa. Sự biến đổi này bắt nguồn từ những sự thay đổi trong thực tế khách quan và từ nhận thức tư duy của con người. Biến đổi để tạo nên nghĩa mới hay sự chuyển nghĩa của từ. Việc chuyển nghĩa cũng được phân biệt thành chuyển nghĩa *ổn định* và chuyển nghĩa *lâm thời*.

Trong tiếng Việt có hiện tượng chuyển nghĩa ổn định. Chẳng hạn như từ *chân* không chỉ dùng để chỉ *bộ phận trong cơ thể người, động vật* (chân người, chân gà) mà nó còn dùng để chỉ *bộ phận của đồ vật* (chân bàn, chân ghế...); *một phần của vật thể địa lý* (chân mây, chân núi); *chỉ người* (chân bán hàng, chân bóng đá..)

Tuy nhiên cũng có hiện tượng chuyển nghĩa mang tính chất lâm thời. Ngày nay, từ *bác sĩ* không chỉ biểu hiện nghĩa là người *thầy thuốc tốt nghiệp đại học y khoa* (bác sĩ khoa nội, bác sĩ khoa ngoại...) mà còn biểu hiện nhiều người cùng thực hiện chức năng tương tự trong các ngành khác như: tin học (bác sĩ máy tính), tâm lý (bác sĩ tâm lý); từ *bệnh viện* không chỉ biểu hiện nghĩa là *cơ sở khám bệnh và nhận người ốm đau nằm điều trị*. Ngày nay, từ bệnh viện đã chuyển nghĩa từ chỗ biểu hiện *địa điểm nơi khám và*

điều trị bệnh cho người thành nơi sửa chữa và bảo dưỡng cho máy móc (bệnh viện máy tính, bệnh viện điện thoại ...)

Trong hoạt động hành chức, sự chuyển nghĩa của từ có thể không dẫn đến sự chuyển trường từ vựng ngữ nghĩa. Nhưng có nhiều trường hợp đã đồng thời có sự chuyển trường. Chẳng hạn: Từ *quả* nằm trong trường nghĩa chỉ *thực vật*, có thể chuyển trường chỉ *quá trình* (kết quả, thành quả, hậu quả...) hay chuyển trường chỉ *người, động vật* như quả tim...

2.3. Có nhiều trường hợp sự chuyển nghĩa của từ còn đi đôi với sự chuyển đổi đặc điểm ngữ pháp – chuyển loại. Nếu sự chuyển loại đã ổn định thì tạo nên hiện tượng từ *đa loại*, và khi hành chức thì một trong các từ đó sẽ được huy động, được hiện thực hóa. Có thể thấy điều này qua việc phân tích từ *cân* trong các trường hợp sau:

Cái cân (*cân* là danh từ); Họ đang cân thóc (*cân* là động từ); Bức ảnh treo rất cân (*cân* là tính từ). Như vậy từ *cân* trong khi hoạt động hành chức thì chúng đã có sự chuyển loại về mặt từ loại từ danh từ sang động từ và tính từ. Chúng ta còn thấy hiện tượng này xảy ra rất nhiều ở các từ như *cuoa*, *xẻ*, *đục*, *bào*, *cày*, *bừa* ... Hoặc trường hợp những từ chỉ hoạt động và kết quả của hoạt động như: *tát* - *một cái tát*, *nắm com* - *một nắm com*, *bó* - *một bó lúa*; Hay các động từ và tính từ *ăn*, *mặc*, *đẹp*, *bi*, *hung*, *mới*, *hấp dẫn*, *lạc hậu*, *hiện đại*... có thể chuyển thành các danh từ khi những động từ, tính từ trên kết hợp với từ *cái*...

Còn có những sự chuyển loại lâm thời, diễn ra trong chính hoạt động hành chức ở một ngữ cảnh nào đó. Lúc này, sự chuyển loại lâm thời cũng tuân theo cùng một phương thức với sự chuyển loại ổn định: chuyển đổi ý nghĩa ngữ pháp đồng thời chuyển đổi đặc điểm kết hợp của từ. So sánh hai câu sau:

“Người xứ Huế yêu thơ và nhạc lễ

Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay”

(Bích Lan)

“Nón rất Huế nhưng đời không phải thế

Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng”

(Thu Bồn)

Trong hai câu thơ của Bích Lan, từ *Huế* hiện thực hóa ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của một danh từ, đặc điểm này đã ổn định. Nhưng ở trong hai câu thơ của nhà thơ Thu Bồn, nó đã lâm thời mang ý nghĩa và đặc điểm của một tính từ. Điều này được biểu hiện ở ý nghĩa chỉ tính chất và được đánh dấu bằng sự kết hợp của nó với từ chứng *rất* ở trước – từ chứng của từ loại tính từ.

Hiện tượng chuyển loại thường diễn ra với thực từ. Tuy nhiên một số trường hợp hư từ cũng có sự chuyển loại. Chẳng hạn, trong tiếng Việt có các từ như *a*, *à*, *ói* có thể là một tiểu từ thường đứng ở cuối câu để biểu hiện ý “hỏi thân mật” (*chào bác a!*; *anh chưa về à?*), có thể là một thán từ, nhưng những từ này trong giao tiếp hàng ngày có thể được dùng như một động từ thể hiện hành động (*khi nào đi thì ới tao một tiếng nhé*; *em bé đang a bà*). Trong trường hợp này, thì các từ *ới*, *a* là một động từ, nó tương đương như động từ *gọi* và động từ *chào*.

2.4. Không chỉ biến đổi về mặt ngữ pháp, trong hoạt động hành chức từ còn có sự biến đổi về mặt phong cách. Trong hệ thống ngôn ngữ, có những từ đa phong cách, tức là chúng được dùng trong nhiều loại phong cách ngôn ngữ khác nhau. Chẳng hạn như từ *đẹp* là một từ đa phong cách, nó được dùng trong rất nhiều loại phong cách ngôn ngữ như: phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, phong cách ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật... Bên cạnh đó, có những từ đơn phong cách tức là nó chỉ được dùng trong một phong cách ngôn ngữ nhất định. Tuy nhiên, các từ đơn phong cách trong hoạt động hành chức vẫn có sự chuyển hóa về mặt phong cách. Chẳng hạn như từ *đột kích* thường được sử dụng ở phong cách chính luận nhưng nó có thể được dùng ở cả phong cách ngôn ngữ nghệ thuật,

“Có nắng chiều *đột kích* mây hàng cau

Có tiếng gà gáy xóm”

(Nhớ - Hồng Nguyên)

Từ *đột kích* cũng được dùng ở phong cách

sinh hoạt hằng ngày

“Hôm qua, tớ mới *đột kích* vào phòng của cậu”

Hay cụm từ *ngóc đầu lên* được dùng trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, nó cũng có thể được dùng trong phong cách chính luận “Chúng không cho các nhà tư sản ta *ngóc đầu lên*. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn”.

3. Kết luận

Như vậy, từ là đơn vị có nhiều bình diện, nên trong hoạt động hành chức, tất cả các bình diện của nó đều có thể có những sự biến đổi và chuyển hóa, tạo nên trạng thái động cho ngôn ngữ nói chung. Vận động chuyển hóa của từ là một trong những vận động rất quan trọng của hệ thống ngôn ngữ, nó góp phần làm phong phú hệ

thống từ vựng của một ngôn ngữ, nó cũng đáp ứng nhu cầu của tư duy trong việc miêu tả sinh động, phong phú các sự vật hiện tượng. Đặc biệt, sự chuyển hóa về nghĩa của từ trong hoạt động hành chức cũng góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa tính hữu hạn của các yếu tố ngôn ngữ và tính vô hạn của các sự vật hiện tượng trong thức tế khách quan. Vận động này chính là một trong những tiền đề cho ngôn ngữ liên tục phát triển. Tuy nhiên, do từ có sự chuyển hóa trên mọi bình diện nên để tìm ra giá trị của từ, có nhiều trường hợp chúng ta phải đặt từ vào toàn bộ văn bản, thậm chí là vào toàn bộ sáng tác của tác gia thì lúc đó mới cảm thụ hết được những sắc thái trong ý nghĩa của từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở ngữ dụng học*, Tập 1, Nxb ĐHSP, H.
- [2] Đỗ Hữu Châu (1998), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, HN.
- [3] F. de Saussure (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb KHXH, H.
- [4] Bùi Minh Toán (1999), *Từ trong hoạt động giao tiếp Tiếng Việt*, Nxb GD, H.
- [5] Bùi Minh Toán (2011), ”Hoạt động hành chức của ngôn ngữ - những vận động bên trong”, *Tap chí ngôn ngữ*, số 10, tháng 11 năm 2011.